

# 廣亞學校財團法人育達科技大學

## 急難紓困金設置管理辦法

### Quy định về phương pháp quản lý hỗ trợ khẩn cấp

- 中華民國 91 年 6 月 5 日九十學年第二學期六月份行政會議通過  
Được thông qua bởi Hội đồng điều hành khóa 90 học kỳ thứ hai năm Trung Hoa Dân Quốc 91 ngày 5 tháng 6  
中華民國 92 年 1 月 8 日九十一學年第一學期一月份行政會議修正
- Được chỉnh lý tại phiên họp điều hành tháng 1 học kỳ đầu tiên khóa 91 năm Trung Hoa Dân Quốc 92 ngày 8 tháng 1  
中華民國 92 年 3 月 5 日九十一學年第二學期三月份行政會議修正
- Được chỉnh lý tại phiên họp điều hành học kỳ thứ 2 khóa 91 năm Trung Hoa Dân Quốc 92 ngày 5 tháng 3  
中華民國 93 年 4 月 21 日九十二學年第二學期第四次行政會議修正
- Được chỉnh lý tại phiên hành chính thứ tư học kỳ thứ hai khóa 92 năm Trung Hoa Dân Quốc 93 ngày 21 tháng 4  
中華民國 94 年 7 月 13 日九十三學年度第二學期第五次行政會議修正
- Được chỉnh lý tại phiên hành chính thứ năm học kỳ thứ hai khóa 93 năm Trung Hoa Dân Quốc 94 ngày 13 tháng 7  
中華民國 95 年 7 月 20 日第七十四次行政會議修正
- Được chỉnh lý tại phiên hành chính khóa 74 năm Trung Hoa Dân Quốc 95 ngày 20 tháng 7  
中華民國 98 年 7 月 30 日育亞(秘)字第 0980004306 號令發布
- Được ban hành theo số 0980004306 (Mật) vào năm Trung Hoa Quốc Dân 98 ngày 30 tháng 7.  
中華民國 100 年 5 月 18 日第三十九次行政會議修正
- Được chỉnh lý tại phiên hành chính thứ 39 năm Trung Hoa Dân Quốc 100 ngày 18 tháng 5  
中華民國 100 年 6 月 2 日育亞(秘)字第 1000003967 號令發布
- Được ban hành theo số 1000003967 (Mật) vào năm Trung Hoa Quốc Dân 100 ngày 2 tháng 6  
中華民國 102 年 1 月 2 日第 101 學年第十一次(總次第七十七次)行政會議修正
- Được chỉnh lý tại phiên hành chính thứ 11(tổng cộng 77) khóa 101 năm Trung Hoa Dân Quốc 102 ngày 20 tháng 7  
中華民國 102 年 1 月 11 日育亞(學務)字第 1020000202 號令發布
- Được ban hành theo số 1020000202 (Giáo Dục) vào năm Trung Hoa Quốc Dân 102 ngày 11 tháng 1  
中華民國 102 年 7 月 17 日一〇一學年第二十三次(總次第八十九次)行政會議修正
- Được chỉnh lý tại phiên hành chính thứ 23(tổng cộng 89 lần) khóa 101 năm Trung Hoa Dân Quốc 102 ngày 17 tháng 7  
中華民國 102 年 7 月 30 日育亞(秘)字第 1020004691 號令發布
- Được ban hành theo số 1020004691 (Mật) vào năm Trung Hoa Quốc Dân 102 ngày 30 tháng 7  
中華民國 104 年 5 月 6 日一〇三學年第十次(總次第一一七次)行政會議修正
- Được chỉnh lý tại phiên hành chính thứ 10 (tổng cộng 117 lần) khóa 103 năm Trung Hoa Dân Quốc 104 ngày 6 tháng 5  
中華民國 104 年 5 月 14 日育亞(秘)字第 1040004240 號令發布
- Được ban hành theo số 1040004240 (Mật) vào năm Trung Hoa Quốc Dân 104 ngày 14 tháng 5  
中華民國 105 年 7 月 7 日一〇四學年第十六次(總次第一三五次)行政會議修正
- Được chỉnh lý tại phiên hành chính thứ 16 (tổng cộng 135 lần) khóa 104 năm Trung Hoa Dân Quốc 105 ngày 7 tháng 7  
中華民國 105 年 8 月 1 日育亞(學務)字第 1050006694 號令發布
- Được ban hành theo số 1050006694 (Giáo dục) vào năm Trung Hoa Quốc Dân 105 ngày 8 tháng 1.

第一條 廣亞學校財團法人育達科技大學（以下簡稱本校）為協助本校學生，在學期間因面臨家庭或本人突發之急難事故，適時給予紓困，訂定本辦法。

Điều 1: Trường Đại Học Khoa Học và Công Nghệ YuDa (sau đây gọi tắt là Trường YUDA) chịu trách nhiệm hỗ trợ các sinh viên trong trường này. Trong năm học do gia đình hoặc bản thân học sinh có vấn đề khẩn cấp, Nhà trường sẽ đưa ra thời gian và biện pháp thích hợp để giải quyết trường hợp này.

第二條 申請條件與發給標準如下：

- 一、學生發生意外傷病，住院七天以上者，核發新台幣六千元，住院十天以上，核發新台幣一萬元。
- 二、學生死亡者，發給新台幣一萬元。
- 三、學生之家庭遭遇風災、水災、震災、火災等重大變故，依損失情況輕重，核發新台幣五千元至一萬元。
- 四、學生或學生父母(監護人)罹患重症，且符合全民健保重大傷病標準，核發新台幣一萬元。
- 五、學生父母一方死亡，核發新台幣一萬元。
- 六、學生父母雙亡，核發新台幣六萬元。

Điều 2: Điều kiện áp dụng và tiêu chuẩn ban hành như sau:

- 1) Học sinh bị thương do tai nạn và phải nhập viện hơn bảy ngày, niêm yết giá 6000 Đài tệ, nằm viện hơn 10 ngày niêm yết giá 10000 Đài tệ.
- 2) Sinh viên không may tử vong hỗ trợ 10000 Đài tệ.
- 3) Gia đình học sinh phải chịu đựng những thảm họa lớn như gió bão, lũ lụt, động đất, hỏa hoạn, Tùy vào mức độ của sự mất mát, hỗ trợ từ 5000 đến 10000 Đài tệ.
- 4) Học sinh hoặc phụ huynh học sinh (người giám hộ) bị bệnh nặng, nếu phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về bảo hiểm chấn thương lớn, hỗ trợ 10.000 Đài tệ.
- 5) Cha mẹ học sinh không may tử vong, hỗ trợ 10000 Đài tệ.
- 6) Cả 2 Cha mẹ của học sinh không may tử vong, hỗ trợ 60000 Đài tệ.

第三條 符合前條申請條件學生須檢附國稅局開立之最近一年度綜合所得稅各類所得清單一百萬元以下及利息所得在一萬元以下之證明文件。

Điều 3: Học sinh đáp ứng một trong các điều kiện đã liệt kê ở trên, yêu cầu phải nộp đính kèm các tài liệu chứng minh và mã số thuế thu nhập cá nhân gần đây nhất do Cục Thuế Nhà nước cấp tối đa 1 triệu Đài tệ và tối thiểu 1 vạn Đài tệ.

第四條 學生發生第二條所列各款情事之一者，得於事件發生日起半年內或全民健康保險重大傷病標準所列有效期限內，由學生本人或導師檢附相關證明文件，導師加註具體事實意見後向學生事務處申請。

Điều 4: Nếu học sinh đáp ứng một trong những trường hợp được liệt kê trong bài trên, học sinh hoặc giáo viên sẽ đính kèm các tài liệu hỗ trợ liên quan trong vòng sáu tháng kể từ ngày xảy ra sự cố hoặc trong thời gian có hiệu lực được liệt kê trong Tiêu chuẩn Thương tích Bảo hiểm Y tế Quốc gia. Gửi cho Phòng Công tác Sinh viên lấy xác nhận ý kiến thực tế.

第五條 學生依本辦法規定在學期間申請紓困金，同一變故以一次為限。

Điều 5: Học sinh yêu cầu nộp đơn xin cứu trợ trong năm học theo các điều kiện này, chỉ được giới hạn trong một lần thay đổi. Vì lý do tương tự, những người đã nộp đơn vào Quỹ nhân ái hoặc Quỹ giáo dục của Bộ Giáo dục không được phép đăng ký.

同一事由，已申領愛心基金或教育部學產基金急難慰問金者，不得申請。

第六條 本辦法經行政會議通過，自發布日施行。

Điều 6: Các biện pháp này sẽ được Hội đồng chấp hành thông qua và sẽ được thực hiện kể từ ngày ban hành